Topic 16B: Countryside and city

Ex 1: Sắp xếp các chữ cái để có từ hoàn chỉnh và nối với nghĩa tương ứng:

__f_	1. xiignEct	_____	a. Cuộc sống
____	2. gelernttins	_____	b. Đến từ
____	3. riDgnu	_____	c. Giờ cao điểm
____	4. untCyo	_____	d. Yên bình
____	5. Twno	_____	e. Phía đông
____	6. atsE	_____	~~f. Sôi nổi~~
____	7. eCom rmfo	_____	g. Tắc đường
____	8. iFyldrne	_____	h. Thân thiện
____	9. aTcfrif maj	_____	i. Thị trấn
____	10.sRhu rohu	_____	j. Thú vị
____	11.eLif	_____	k. Trong suốt (thời gian)
____	12.efalceuP	_____	l. Hạt

Ex 2: Nghe và chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Hello. My name's Tony. I come from Sydney, a (1)___a___in Australia. There are lots of big modern (2)_____and it's very (3)_____. There are often traffic jams (4)_____the rush hour. But it's a very exciting (5)_____and I like living there. My (6)_____live in Brooklyn, a (7)_____about fifty kilometres from Sydney. Life is quiet and (8)_____there.

~~a. big city~~	e. during
b. grandparents	f. peaceful
c. small town	g. buildings
d. noisy	h. place

LIVEWORKSHEETS

Ex 3: -Viết lại các câu sau theo thứ tự đúng để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh.

-Thay một số thông tin của bạn vào bài văn và quay video gửi lên nhóm*.

a) My grandparents live in Brooklyn, a small town about fifty kilometres from Sydney.

b) But it's a very exciting place and I like living there.

c) Hello. My name's Tony.

d) Life is quiet and peaceful there.

e) There are often traffic jams during the rush hour.

f) There are lots of big modern buildings and it's very noisy.

g) I come from Sydney, a big city in Australia.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Quét mã QR code để gửi video lên nhóm facebook và nhận góp ý, quà tặng.

LIVEWORKSHEETS